TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2023.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đức Bi và ông Cái Lê Chính Đạo.

- Thư ký phiên toà: Ông Đoàn Văn Thái, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trần Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 221/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thu T, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn 12, xã C, huyện E, tỉnh . Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn P Hưng, xã LT, huyện PL, tỉnh TH. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 22 tháng 10 năm 2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Đặng Thị Thu T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Thu T và anh Nguyễn Hữu P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thủy vào ngày 24/7/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cải vả dẫn đến bạo lực gia đình. Từ tháng 8/2020 cho đến nay nguyên đơn và anh P sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được. Nay nguyên đơn không còn tình cảm vợ chồng với anh P do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Hữu P.

Về việc nuôi con: Nguyên đơn trình bày quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung.Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn trình bày không có tài sản chung và nợ chung.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao chứng minh nhân dân chị Đặng Thị Thu T, bản sao sổ hộ khẩu gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh P về việc chị Đặng Thị Thu T xin ly hôn. Tuy nhiên, hết thời hạn luật định anh P không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P đều vắng mặt.

Theo biên bản xác minh ngày 03/11/2022, Ủy ban nhân dân xã LT và gia đình anh cho biết anh P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã LT, huyện PL, tỉnh TH. Ủy ban nhân dân xã Lộc Thủy và gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, đã giao lại cho anh P nhưng bị đơn bận việc không đến Tòa án làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 21/02/2023, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí đề nghị xử buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Thu T và anh Nguyễn Hữu P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thủy vào ngày 24/7/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và anh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa nguyên đơn và anh P, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình sống chung, giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên giữa hai người không tôn trọng nhau, tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cải vả dẫn đến bạo lực gia đình. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Từ tháng 08 năm 2020, nguyên đơn và anh P đã sống ly thân cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng không hòa giải được do bị đơn vắng mặt. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Thu T.

[2.2] Về việc nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án chị Đặng Thị Thu T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Thị Thu T trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Thu T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Hữu P.

2. Về việc nuôi con: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

3. Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không có tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị Đặng Thị Thu T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004154 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Chị T đã nộp đủ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã Lộc Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Sang